

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/4/2021.  
Về việc: “T/c về Ly hôn; Nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Năng;

2. Ông Ngô Phúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** không tham gia.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 476/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về Ly hôn; Nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-DS ngày 04/3/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lương Ngọc M, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Tổ 17 ấp A, xã B, huyện T, An Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Tổ 17 ấp A, xã B, huyện T, An Giang.

(Vắng mặt bị đơn chị Trần Thị Kim N; Đã tổng đạt hợp lệ)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Lương Ngọc M và lời khai tại phiên tòa có nội dung như sau: Anh Lương Ngọc M sống chung với chị Trần Thị Kim N từ năm 2014, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành (giấy đăng ký kết hôn số 124 ngày 01/12/2014). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân thường xuyên hay cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chuyện nội bộ gia đình không giải

quyết được làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đến tháng 9/2019 không còn sống chung với nhau nữa. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Lương M sinh ngày 15/12/2015 và Lương T sinh ngày 26/01/2018, hiện tại con đang sống chung với anh Lương Ngọc M.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Lương Ngọc M yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Kim N; Về con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

*\* Theo bản khai của bị đơn chị Trần Thị Kim N có nội dung:* Chị Trần Thị Kim N thừa nhận sống chung với anh Lương Ngọc M từ năm 2014, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian khoảng 04 năm và có 02 con chung là Lương M Thông, Lương M Thái nhưng đến khoảng đầu tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhiều chuyện nội bộ gia đình phát sinh không xử lý được nên đã sống ly thân đến nay.

Nay anh Lương Ngọc M yêu cầu ly hôn thì chị Trần Thị Kim N đồng ý; Về con chung thống nhất để anh Lương Ngọc M tiếp tục nuôi 02 con chung, chị N không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa, chị Trần Thị Kim N vắng mặt không lý do.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn và nuôi con chung, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Kim N vắng mặt lần thứ hai không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

#### *Về nội dung:*

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lương Ngọc M đã thừa nhận có sống chung như vợ chồng với chị Trần Thị Kim N từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Nay do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên anh M xin được ly hôn với chị N và phía chị N cũng đồng ý. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa anh M và chị N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, Tòa án nhiều lần mời chị Trần Thị Kim N để hòa giải cho anh, chị đoàn tụ nhưng chị N còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, vẫn không có mặt. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân

giữa hai người không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của anh Lương Ngọc M là được ly hôn với chị Trần Thị Kim N.

[3] *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng*: Anh Lương Ngọc M và chị Trần Thị Kim N thừa nhận có 02 con chung tên Lương M sinh ngày 15/12/2015 và Lương T sinh ngày 26/01/2018 là con chung của anh, chị và giấy khai sinh của các cháu cũng đã thể hiện điều này, do đó cần công nhận cháu Lương M, Lương T là con chung của anh M, chị N; Sau khi ly hôn thì anh Lương Ngọc M yêu cầu được tiếp tục nuôi con và chị Trần Thị Kim N đồng ý. Xét thấy, hiện tại vợ chồng anh M, chị N không còn sống chung nhưng 02 cháu đang do anh Lương Ngọc M và gia đình bên Nội chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo và chưa có vấn đề gì khó khăn; Do đó, để ổn định tâm lý và cuộc sống cho cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Lương Ngọc M, cần tiếp tục giao 02 cháu M và T cho anh M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra, anh Lương Ngọc M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

[4] *Về quan hệ tài sản, nợ chung*: Các bên tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do anh Lương Ngọc M có yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Kim N nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử*:

\* *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của anh Lương Ngọc M là được ly hôn với chị Trần Thị Kim N. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 124 ngày 01/12/2014 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành (huyện Châu Thành, An Giang) cấp không còn giá trị pháp lý.

\* *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng*: Công nhận 02 cháu Lương M sinh ngày 15/12/2015 và Lương T sinh ngày 26/01/2018, là con chung của anh Lương Ngọc M và chị Trần Thị Kim N;

+ Giao 02 cháu Lương M và Lương T cho anh Lương Ngọc M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (cháu M và T đang sống chung với anh M); Chị Trần Thị Kim N không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Lương Ngọc M.

+ Anh Lương Ngọc M cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở chị Trần Thị Kim N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

*\* Về quan hệ tài sản, nợ chung:* Tự thỏa thuận.

*\* Về án phí, lệ phí sơ thẩm:* Anh Lương Ngọc M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0007412 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang; Được khấu trừ nên anh Lương Ngọc M đã nộp xong.

Báo cho đương sự có mặt tham dự phiên tòa biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án (có lý do khách quan) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- UBND xã Vĩnh Thành;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

